CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Chiến	Thành viên
Ông Lê Văn Thu	Thành viên
Ông Đỗ Tiến Hùng	Thành viên
Ông Tôn Thất Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Thái Tuấn Tài	Tổng Giám đốc
Ông Tôn Thất Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2011

Deloitte

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 11, P. 1101, Trung Tâm TM Sài Gòn
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT : +84 (0) 8 3910 0751
Fax : +84 (0) 8 3910 0750
www.deloitte.com/vn

Số: 256 /2011/Deloitte- AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 19.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 22 tháng 1 năm 2010 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Lê Chí Nguyện
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0049/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**147.847.287.209**	**108.181.158.319**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**15.997.069.972**	**23.791.566.792**
1. Tiền	111		4.465.756.372	23.791.566.792
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.531.313.600	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**86.810.971.442**	**45.170.283.774**
1. Phải thu khách hàng	131		80.957.676.502	39.041.819.003
2. Trả trước cho người bán	132		9.513.983.820	8.823.127.987
3. Các khoản phải thu khác	135		1.016.279.000	1.009.775.075
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.676.967.880)	(3.704.438.291)
III. Hàng tồn kho	**140**	**6**	**34.894.875.782**	**32.042.310.686**
1. Hàng tồn kho	141		34.894.875.782	32.042.310.686
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**10.144.370.013**	**7.176.997.067**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		38,519,629	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	10.105.850.384	7.176.997.067
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**27.316.009.975**	**27.748.295.631**
I. Tài sản cố định	**220**		**21.590.015.228**	**23.136.981.320**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	9.526.419.798	10.764.650.118
- Nguyên giá	*222*		*34.373.500.787*	*33.746.707.008*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(24.847.080.989)*	*(22.982.056.890)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	11.752.405.150	12.061.140.922
- Nguyên giá	*228*		*14.694.493.511*	*14.694.493.511*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(2.942.088.361)*	*(2.633.352.589)*
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		311.190.280	311.190.280
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**3.900.000.000**	**2.500.000.000**
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	3.900.000.000	2.500.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.825.994.747**	**2.111.314.311**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.825.994.747	2.111.314.311
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**175.163.297.184**	**135.929.453.950**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**119.257.761.490**	**93.316.993.847**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**118.549.412.326**	**92.887.457.837**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	6.095.086.216	-
2. Phải trả người bán	312		5.497.146.208	2.140.771.751
3. Người mua trả tiền trước	313		51.529.524.172	48.442.245.541
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	12.083.708.218	4.808.482.288
5. Phải trả người lao động	315		27.487.602.199	23.868.948.389
6. Chi phí phải trả	316		2.840.959.550	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		10,539,035,736	11,895,846,728
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.476.350.027	1.731.163.140
II. Nợ dài hạn	**330**		**708.349.164**	**429.536.010**
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		708.349.164	429.536.010
B. NGUỒN VỐN	**400**		**55.905.535.694**	**42.612.460.103**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**13**	**55.905.535.694**	**42.612.460.103**
1. Vốn điều lệ	411		33.810.000.000	29.400.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.000.000	45.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(140.000)	-
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		440.588.522	225.150.141
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.379.250.722	888.700.247
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.349.059.240	486.059.240
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.881.777.210	11.567.550.475
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**175.163.297.184**	**135.929.453.950**

S.Đ.K.K.D: 0301475102 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2011

Phạm Hoàng Vinh
Trưởng phòng Tài chính kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10		179.735.457.176	162.019.673.505
2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		(131.941.678.930)	(126.369.108.943)
3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		47.793.778.246	35.650.564.562
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		743.417.804	1.812.202.841
5. Chi phí tài chính	22		(277.417.135)	(13.433.246)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*(216.913.851)*	-
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(24.189.499.573)	(18.222.146.862)
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.070.279.342	19.227.187.295
8. Thu nhập khác	31		44.009.254	134.005.203
9. Chi phí khác	32		(1.594.592.352)	(14.721.231)
10. Lợi nhuận khác	40		(1.550.583.098)	119.283.972
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.519.696.244	19.346.471.267
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	14	(5.637.919.034)	(4.838.920.792)
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.881.777.210	14.507.550.475
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**15**	**4.993**	**5.069**

S.Đ.K.K.D: 0301475102 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2011

Phạm Hoàng Vinh
Trưởng phòng Tài chính kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***22.519.696.244***	***19.346.471.267***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.732.776.526	3.898.552.273
Các khoản dự phòng	03	972.529.589	84.307.574
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(571.851.828)	(1.460.002.882)
Chi phí lãi vay	06	216.913.851	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	***25.870.064.382***	***21.869.328.232***
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(45.542.070.574)	10.928.183.141
Tăng hàng tồn kho	10	(2.852.565.096)	(10.684.837.355)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	16.937.950.807	(838.236.391)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	246.799.935	(595.356.946)
Tiền lãi vay đã trả	13	(216.913.851)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.482.180.667)	(4.931.689.190)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	630.177.900
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.058.813.113)	(4.051.728.984)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	***(12.097.728.177)***	***12.325.840.407***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.069.009.747)	(4.519.253.490)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	28.180.000	27.687.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.400.000.000)	(1.000.000.000)
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	543.671.828	1.460.002.882
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	***(1.897.157.919)***	***(4.031.563.608)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	1.445.000.000
2. Tiền chi trả mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(140.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	8.095.086.216	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.000.000.000)	-
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(3.967.825.407)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	***6.094.946.216***	***(2.522.825.407)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**(7.899.939.880)**	**5.771.451.392**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**23.791.566.792**	**17.882.259.606**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	105.443.060	137.855.794
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**15.997.069.972**	**23.791.566.792**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 116.800.687 đồng (năm 2009 là 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu trong năm không bao gồm số tiền 4.410.000.000 đồng thể hiện việc chia cổ tức bằng 441.000 cổ phần phát hành thêm từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối của năm 2009. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển nên không thể hiện trong báo cáo trên.

S.Đ.K.K.D: 0301475102 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3 - QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2011

Phạm Hoàng Vinh
Trưởng phòng Tài chính kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0301475102 ngày 17 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Xây dựng điện 3 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 1 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức niêm yết trên Sở Giao chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TV3.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 639 người (2009: 629 người).

Công ty có hai đơn vị hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện và Chi nhánh Miền Trung. Ngoài ra, Công ty có một Văn phòng đại diện tại Hà Nội hạch toán phụ thuộc.

Hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực;
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thuỷ-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Lập tổng dự toán công trình;
- Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng;
- Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thuỷ điện - nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng;
- Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng
- Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện;
- Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thuỷ lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; và
- Giám sát thi công xây dựng công trình thuỷ lợi, thuỷ điện; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh của các dịch vụ khảo sát, thiết kế chưa hoàn thành và chưa được xác định doanh thu. Các khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này được tập hợp trên cơ sở phát sinh các khoản chi phí trực tiếp cho các công trình đang thực hiện.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Tài sản cố định vô hình khác là giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty cho mục đích cổ phần hóa tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2005 và được khấu hao trong thời gian 10 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công ty khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ dự phòng các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

Ghi nhận doanh thu

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích dựa trên số dư tiền gửi và lãi suất được hưởng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì Công ty có thể phân bổ một phần lỗ chênh lệch tỷ giá trong 5 năm tiếp theo sau khi đã hạch toán lỗ chênh lệch tỷ giá vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn đến hạn trả trong năm đó.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 giảm 215.438.381 đồng (năm 2009: 225.150.141 đồng) và khoản mục "chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ tăng một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS 10.

Chi phí đi vay

Các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt	1.462.152.877	2.906.934.685
Tiền gửi ngân hàng	3.003.603.495	20.884.632.107
Các khoản tương đương tiền	11.531.313.600	-
	15.997.069.972	**23.791.566.792**

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gởi có kỳ hạn tại các ngân hàng và tại các tổ chức ủy thác quản lý vốn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gởi tiền.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	172.386.795	128.902.529
Công cụ, dụng cụ	14.973.230	2.681.346
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	34.707.515.757	31.910.726.811
	34.894.875.782	**32.042.310.686**

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác bao gồm số dư tạm ứng cho nhân viên để thực hiện dự án.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	7.233.742.038	10.935.779.210	13.000.839.389	2.576.346.371	33.746.707.008
Tăng trong năm	-	66.130.000	392.405.184	727.275.250	1.185.810.434
Thanh lý	-	(424.623.777)	-	(134.392.878)	(559.016.655)
Tại ngày 31/12/2010	7.233.742.038	10.577.285.433	13.393.244.573	3.169.228.743	34.373.500.787
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	1.502.854.806	9.016.957.146	10.159.981.852	2.302.263.086	22.982.056.890
Khấu hao trong năm	292.415.808	867.226.180	893.129.192	371.269.574	2.424.040.754
Thanh lý	-	(424.623.777)	-	(134.392.878)	(559.016.655)
Tại ngày 31/12/2010	1.795.270.614	9.459.559.549	11.053.111.044	2.539.139.782	24.847.080.989
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	**5.438.471.424**	**1.117.725.884**	**2.340.133.529**	**630.088.961**	**9.526.419.798**
Tại ngày 31/12/2009	**5.730.887.232**	**1.918.822.064**	**2.840.857.537**	**274.083.285**	**10.764.650.118**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 14.440.410.502 đồng (năm 2009: 14.635.178.661 đồng).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2010 và 31/12/2010	10.704.411.092	1.628.517.698	2.361.564.721	14.694.493.511
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2010	296.365.475	1.628.517.698	708.469.416	2.633.352.589
Khấu hao trong năm	72.579.300	-	236.156.472	308.735.772
Tại ngày 31/12/2010	368.944.775	1.628.517.698	944.625.888	2.942.088.361
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	**10.335.466.317**	**-**	**1.416.938.833**	**11.752.405.150**
Tại ngày 31/12/2009	**10.408.045.617**	**-**	**1.653.095.305**	**12.061.140.922**

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.628.517.698 đồng (năm 2009: 1.628.517.698 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tọa lạc tại Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị ngân hàng định giá là 28.584.000.000 đồng để đảm bảo cho khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư dài hạn của Công ty như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình	1.200.000.000	700.000.000
Công ty cổ phần EVN Quốc Tế	2.700.000.000	1.800.000.000
	3.900.000.000	**2.500.000.000**

Đầu tư dài hạn khác bao gồm khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ góp 0,25% vốn điều lệ và góp vốn vào Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình với tỷ lệ góp vốn theo cam kết là 10%. Hiện tại, các công ty này đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng không cần thiết trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển thành phố Hồ Chí Minh dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 15.000.000.000 đồng và đáo hạn vào ngày 16 tháng 4 năm 2011. Khoản vay này chịu lãi suất 14%/năm. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay này. (xem Thuyết minh 9)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	7.654.970.006	2.635.875.727
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.265.356.673	2.109.618.306
Thuế thu nhập cá nhân	163.381.539	62.988.255
	12.083.708.218	**4.808.482.288**

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ

	31/12/2010 Cổ phần	31/12/2009 Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép phát hành	3.381.000	2.940.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	3.381.000	2.940.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	3.381.000	2.940.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 33.810.000.000 đồng (năm 2009: 29.400.000.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Số vốn đã góp VNĐ	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn điện lực Việt Nam	16.491.570.000	48,78
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	460.000.000	1,36

Theo Nghị quyết số 60/NQ-TVĐ3-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 29.400.000.000 đồng lên 33.810.000.000 đồng bằng việc phát hành thêm 441.000 cổ phiếu từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2009. Tại ngày lập báo cáo này, số cổ phiếu phát hành thêm đã được đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngoài ra, việc tăng vốn điều lệ cũng đã được đăng ký thay đổi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301475102 thay đổi lần thứ 3 ngày 12 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1/1/2009	28.000.000.000	-	-	-	251.834.609	58.241.000	6.316.364.796	34.626.440.405
Tăng vốn trong năm	1.400.000.000	45.000.000	-	-	-	-	-	1.445.000.000
Tăng khác	-	-	-	225.150.141	-	-	-	225.150.141
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	14.507.550.475	14.507.550.475
Trích lập quỹ	-	-	-	-	680.364.158	427.818.240	(2.956.364.796)	(1.848.182.398)
Chia cổ tức 2008	-	-	-	-	-	-	(3.360.000.000)	(3.360.000.000)
Tạm ứng cổ tức 2009			-				(2.940.000.000)	(2.940.000.000)
Chi quỹ	-	-	-	-	(43.498.520)	-	-	(43.498.520)
Tại ngày 31/12/2009	**29.400.000.000**	**45.000.000**	-	**225.150.141**	**888.700.247**	**486.059.240**	**11.567.550.475**	**42.612. 460.103**
Tăng vốn trong năm	4.410.000.000	-					(4.410.000.000)	-
Tăng khác	-	-		-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-		-	-	-	16.881.777.210	16.881.777.210
Trích lập quỹ	-	-		-	2.490.550.475	863.000.000	(7.157.550.475)	(3.804.000.000)
Giảm khác	-	-	(140.000)	215.438.381	-	-	-	215.298.381
Tại ngày 31/12/2010	**33.810.000.000**	**45.000.000**	**(140.000)**	**440.588.522**	**3.379.250.722**	**1.349.059.240**	**16.881.777.210**	**55.905.535.694**

Theo Nghị quyết số 60/NQ-TVĐ3-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2009 với số tiền là 7,35 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ là 25% trên vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009. Trong đó, 10% thanh toán bằng tiền mặt tương đương 2,94 tỷ đồng (đã được thanh toán trong năm 2009), và 15% bằng cổ phiếu tương đương 4,41 tỷ đồng. Cũng theo Nghị quyết số 60 này, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng đã phê chuẩn phương án phân chia lợi nhuận năm 2009 để trích lập các quỹ Dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi, và Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành với số tiền lần lượt là 863 triệu đồng, 3.216 triệu đồng, và 588 triệu đồng. Số lợi nhuận năm 2009 còn lại dùng để tăng quỹ đầu tư phát triển là 2.490 triệu đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	22.519.696.244	19.346.471.267
Trừ: Các khoản lợi nhuận không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	31.979.890	9.211.901
Thu nhập chịu thuế	**22.551.676.134**	**19.355.683.168**
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**5.637.919.034**	**4.838.920.792**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại bởi vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

15. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tính trong năm tài chính trên cơ sở các số liệu sau.

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận sau thuế	16.881.777.210	14.507.550.475
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.881.777.210	14.507.550.475
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	3.380. 996	2.861.833
Lãi trên cổ phiếu	**4.993**	**5.069**

16. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	1.366.690.908	1.184.465.455

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	1.366.690.909	1.366.690.909
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	1.366.690.909
	1.366.690.909	**2.733.381.818**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện cam kết thuê nhà tại địa chỉ 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3 với Công ty Quản lý kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh với chi phí thuê hàng tháng là 125.280.000 đồng. Thời hạn thuê nhà là 3 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Doanh thu		
Ban QLDA các CTĐ Miền Nam	30.883.786.673	34.481.105.223
Ban QLDA các CTĐ Miền Bắc	1.364.453.986	1.311.038.328
Ban QLDA các CTĐ Miền Trung	16.317.230.106	20.536.935.142
Ban QLDA Tổng Công ty Điện lực Miền Nam - SPC	3.488.114.283	1.903.382.449
Ban QLDA lưới điện – Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	557.910.514	1.511.485.879
Ban QLDA lưới điện Công Ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai- ĐNPC	914.636.838	186.491.025
Ban QLDA Nhiệt điện 2	110.975.000	1.595.307.326
Ban QLDA Nhiệt điện 3	26.758.988.204	1.802.778.930
Ban QLDA Thủy điện 1	5.174.664.262	3.291.766.264
Ban QLDA Thủy điện 5	417.475.820	-
Ban QLDA Thủy điện 6	12.856.095.097	19.226.727.518
Ban QLDA thủy điện sông Bung 2	4.217.940.816	14.927.537.765
Ban QLDA thủy điện Srêpok 4	475.294.896	-
Công ty truyền tải điện 2	762.168.370	1.776.826.185
Công ty truyền tải điện 3	144.037.012	388.343.708
Công ty truyền tải điện 4	816.183.725	2.389.151.886
Công ty CP EVN Quốc Tế	768.902.727	184.614.393
Công ty CP thủy điện A Vương	383.670.000	-
Công ty CP phong điện Thuận Bình	1.618.181.819	-
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	2.243.017.318	636.999.925
Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 1	603.583.900	435.063.170
Công ty TNHH NN MTV Nhiệt điện Cần Thơ	4.690.328.455	-
Cty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	899.026.000	-
Cty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	829.242.669	-
Tổng Công ty CP XD Điện Việt Nam	88.973.636	-
Tổng Công ty Điện lực TPHCM	41.552.878	-
Trung tâm điều độ HTĐ Quốc Gia	363.072.727	-

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lương	1.565.242.929	1.694.307.952
Tiền thưởng	619.643.200	190.842.000
	2.184.886.129	**1.885.149.942**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Phải thu		
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	1.645.567.524	144.668.140
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	26.917.535.586	2.022.266.761
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	2.022.325.965	3.068.380.455
Ban QLDA điện lực Miền Nam		
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	1.164.688.213	2.586.198.759
Ban QLDA Lưới điện		
- Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	654.674.120	1.260.809.824
Ban QLDA lưới điện TP. HCM - Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	268.794.939	2.255.165.517
Ban QLDA lưới điện Đồng Nai- Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	554.291.975	299.742.047
Ban QLDA nhiệt điện 2	1.079.292.981	1.741.292.981
Ban QLDA nhiệt điện 3	1.629.933.531	1.642.068.830
Ban QLDA thủy điện 3	1.570.391.490	1.570.391.490
Ban QLDA thủy điện 5	51.628.600	28.667.430
Ban QLDA thủy điện 6	1.453.127.828	318.966.995
Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2	2.525.554.516	2.293.567.771
CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - CtyTTĐ4	1.393.655.957	1.549.051.476
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đà Nẵng	437.406.522	119.702.361
Công ty truyền tải điện 2	1.345.824.886	2.007.439.679
Các đơn vị khác trong EVN	3.464.360.699	6.605.651.196
Người mua ứng tiền trước		
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	6.007.517.400	10.722.724.855
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	2.719.408.919	3.799.238.117
Ban QLDA điện lực Miền Nam		
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	1.577.829.467	1.968.722.538
Ban QLDA Lưới điện		
- Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	215.645.139	139.785.940
Ban QLDA lưới điện TP. HCM		
- Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	1.889.969.738	513.100.670
Ban QLDA lưới điện Đồng Nai		
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	424.447.000	424.447.000
Ban QLDA nhiệt điện 2	149.810.000	206.810.000
Ban QLDA nhiệt điện 3	1.926.942.932	1.233.130.021
Ban QLDA thủy điện 1	4.098.006.938	5.859.658.757
Ban QLDA thủy điện 5	248.000.000	
Ban QLDA thủy điện 6	1.051.643.058	2.589.327.863
Công ty CP EVN Quốc Tế	1.548.553.544	748.553.544
Công ty TNHH NN MTV Nhiệt điện Cần Thơ	-	1.587.681.738
Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2	3.000.000.000	-
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	731.500.000	-
Công ty CP Phong điện Thuận Bình	1.042.800.000	330.000.000
Các đơn vị khác trong EVN	885.385.955	875.565.127
Phải trả khác		
Phải trả tập đoàn EVN	2.142.405.593	3.508.355.593
Công ty CP Tư vấn XD điện 1	60.824.300	60.824.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) — **MẪU SỐ B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Theo hướng dẫn Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trình bày là một khoản nợ ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán.

Theo đó, Công ty đã thực hiện phân loại lại khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 nhằm mục đích so sánh với số liệu của kỳ kế toán hiện hành như sau:

	31/12/2009 (sau phân loại) VNĐ	31/12/2009 (trước phân loại) VNĐ
Nợ ngắn hạn		
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.731.163.140	-
Nguồn vốn		
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	1.731.163.140

Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2011

Phạm Hoàng Vinh
Trưởng phòng Tài chính kế toán